

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Ông Nguyễn Hữu Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T;

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị H;

Hiện cư trú tại: LOI LAI MAN, MA CAO, CHI NA (TRUNG QUỐC).

Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Khu phố 5, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:*

Anh Lê Văn T kết hôn với chị Võ Thị H trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 14/5/2010 tại UBND thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống có 02 con chung: Cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Lê Ngọc Hoàng H, sinh ngày 12/7/2011. Từ năm 2014 đến nay anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, trong cuộc sống vợ chồng không tâm đầu ý hợp, gia đình nội ngoại cũng đã hòa giải nhiều lần, nhưng đến nay anh T, chị H thật sự không còn tình cảm. Chị H đang lao động tại Trung Quốc. Hiện nay, cháu Lê Thị Hoàng A đang sống với ông bà ngoại, còn cháu Lê Ngọc Hoàng H sống với anh T. Vì vậy, anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Hoàng H, sinh ngày 12/7/2011; còn cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 19/10/2009 giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 24/02/2019 bị đơn chị Võ Thị H trình bày:*

Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 14/5/2010 tại UBND thị trấn C. Quá trình chung sống chị H, anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên sống không hiểu nhau, gia đình nội ngoại cũng đã can thiệp nhưng không thành. Hiện nay, chị H đã đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc. Chị H và anh T không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện tại anh T cũng đã chung sống với người khác và có con riêng. Chị H đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 cháu, cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 19/10/2009; cháu Lê Ngọc Hoàng H, sinh ngày 12/7/2011. Đề nghị Tòa án giao cháu Lê Thị Hoàng A cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Ngọc Hoàng H cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị nghiên cứu tuân thủ quy định.

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Theo khoản 2, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T. Cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Võ Thị H. Giao cháu Lê Thị Hoàng A cho chị Võ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Ngọc Hoàng H cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn T, bị đơn chị Võ Thị Hồng vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T và chị H đều có văn bản trình bày gửi cho Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh T và bị đơn chị H.

[2] Xác định quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 14/5/2010 tại UBND thị trấn C. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm:

Sau khi anh T và chị H kết hôn được một thời gian, do không hợp về tính tình, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình nội ngoại hòa giải, khuyên ngăn nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của anh T và chị H không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên không thể kéo dài. Hơn nữa, anh T và chị H đều đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Võ Thị H.

[4] Về con chung:

Anh T và chị H có 02 cháu, cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 19/10/2009; cháu Lê Ngọc Hoàng H, sinh ngày 12/7/2011. Anh T và chị H đều yêu cầu Tòa án giao cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 19/10/2009 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Ngọc Hoàng H, sinh ngày 12/7/2011 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Thị Hoàng A có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị H, còn cháu Lê Ngọc Hoàng H có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh T. Căn cứ Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 19/10/2009 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Ngọc Hoàng H, sinh ngày 12/7/2011 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con. Anh T và chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có tài sản chung và anh T, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Buộc anh T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng áp phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 000592 ngày 18/1/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469, Điều 479, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T. Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Võ Thị H.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Võ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Ngọc Hoàng H, sinh ngày 12/7/2011 cho anh Lê Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn T và chị Võ Thị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng áp phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 000592 ngày 18/1/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Võ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

